HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 248/BC-HĐND	*Krông Pa, ngày 12 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề công tác quản lý và sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã giai đoạn 2017-2021

Thực hiện Quyết định số: 186/QĐ-HĐND ngày 06/10/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, về việc thành lập Đoàn giám sát công tác quản lý và sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã; Kế hoạch số: 188/KH-HĐND ngày 07/10/2022 của Đoàn giám sát Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, giám sát công tác quản lý, sử dụng đất thuộc thẩm quyền UBND cấp xã.

Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn chịu sự giám sát, kết quả thực hiện giám sát trực tiếp. Đoàn giám sát Thường trực HĐND huyện báo cáo kết quả như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Krông Pa là huyện nằm ở phía đông nam tỉnh Gia Lai. Có tổng diện tích đất tự nhiên là 162.366,15ha. Trong đó: diện tích đất nông nghiệp 147.770,81ha, đất phi nông nghiệp 9.338,05ha, đất chưa sử dụng 5.587,30ha.

- Bắc giáp: huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai; huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.
- Nam giáp: huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk.
- Đông giáp: huyện Sơn Hòa, Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.
- Tây giáp: huyện Ea Hleo, Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk; thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT

I. Cơ sở pháp lý

Cư cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 05 năm 2014 của Bộ TN&MT quy định về hồ sơ địa chính; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 07/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai; Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

II. Kết quả đạt được

Từ năm 2017-2021 cấp ủy, chính quyền từ huyện đến các xã đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật về đất đai đã được UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các ngành chuyên môn phối hợp thực hiện.

UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đất đai và giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai từng bước được quan tâm.

UBND các xã, thị trấn *(gọi chung là cấp xã)* đã quán triệt, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn các cấp đến các thôn, buôn, TDP và nhân dân trên địa bàn.

1. Công tác quản lý và sử dụng đất thuộc thẩm quyền UBND cấp xã

1.1. Đối với đất công ích 5%:

Theo Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh Gia Lai trên địa bàn huyện có 147.770,81ha diện tích đất nông nghiệp. Qua giám sát tại UBND các xã, Đoàn nhận thấy 06[1]/14 xã có diện tích đất nông nghiệp phục vụ mục đích công ích 5%, với 123 thửa, diện tích 53,936ha, chiếm 0,036% so với tổng diện tích đất nông nghiệp. Nhìn chung các đơn vị đã tiến hành ký hợp đồng cho các hộ dân trên địa bàn thuê đất để phục vụ vào mục đích sản xuất, kinh doanh.

(Có biểu mẫu số 01 kèm theo)

1.2. Đối với đất phi nông nghiệp:

---

[1] Gồm: UBND xã Ia Mlah: 50 thửa, với diện tích 10,94ha; UBND xã Uar: 03 thửa, với diện tích 4,35ha; UBND xã Ia Rmok: 32 thửa, với diện tích 23,07ha; UBND xã Chư Gu: 20 thửa, với diện tích 2,8ha; UBND xã Ia Rsươm: 07 thửa, với diện tích 7,17ha; UBND thị trấn Phú Túc: 07 thửa, với diện tích 5,34ha.

Theo Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh Gia Lai trên địa bàn huyện có 9.338,05ha diện tích đất phi nông nghiệp[2]. Qua giám sát tại UBND các xã, cho thấy tổng diện tích đất phi nông nghiệp trên địa huyện phục vụ vào mục đích công thuộc thẩm quyền UBND cấp xã quản lý, sử dụng là 82,746ha, chiếm 0,89% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp trên toàn huyện.

Trong những năm gần đây, quản lý nhà nước về đất đai của UBND cấp xã đạt được những kết quả nhất định: Thực hiện quy hoạch, kế hoạch đất đã được phê duyệt cơ bản đảm bảo, công tác quản lý HSĐC đã đi vào nề nếp, các hoạt động đánh giá hiện trạng sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai được đảm bảo hơn.

(Có biểu mẫu số 02 kèm theo)

1.3. Đối với đất chưa sử dụng:

Theo Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh Gia Lai trên địa bàn huyện có 5.587,30ha diện tích đất chưa sử dụng. Qua báo cáo của UBND các xã đã cơ bản thể hiện được các số liệu về diện tích đất chưa sử dụng.

(Có biểu mẫu số 03 kèm theo)

2. Những tồn tại, hạn chế

2.1. Tồn tại của UBND 14 xã, thị trấn

- Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn kết quả giám sát trực tiếp. Đoàn giám sát nhận thấy, Báo cáo của UBND các xã, thị trấn chưa bám sát đề cương gợi ý theo kế hoạch của Đoàn giám sát, *(chỉ có 02 xã báo cáo tương đối tốt là Uar, Ia Rsai)*; chưa thể hiện được các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp xã thuộc lĩnh vực đất đai, chưa xác định được trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng đối với các quỹ đất công thuộc thẩm quyền cấp xã.

- Về công tác quản lý đất phi nông nghiệp phục vụ vào mục đích công thuộc thẩm quyền UBND cấp xã còn nhiều hạn chế, chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát.

- Đối với đất chưa sử dụng, UBND 14 xã, thị trấn chưa thường xuyên theo dõi để quản lý, bảo vệ và đăng ký vào hồ sơ địa chính; hầu hết các xã chưa xác định được từng vị trí khu đất.

- UBND và Chủ tịch UBND xã chưa thực hiện hết chức trách, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai; công tác quản lý phần lớn còn giao hết trách nhiệm cho công

---

[2] Gồm: UBND các xã, thị trấn: Ia Mlah, Đất Bằng, Chư Ngọc, Phú Cần, Chư Gu, Uar, Chư Rcăm, Ia Rsai, Ia Rmok, Ia Dreh, Krông Năng và Phú Túc.

chức Địa chính – Xây dựng xã, Chủ tịch UBND xã chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh và thiếu kiên quyết trong chỉ đạo, do vậy, việc quản lý, sử dụng quỹ đất phi nông nghiệp phục vụ vào mục đích công tại xã chưa chặt chẽ.

- Việc xác định thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng đất của UBND và Chủ tịch UBND các xã còn lúng túng.

- Hàng năm việc thực hiện công tác thống kê, rà soát đất thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của cấp xã còn hạn chế, từ đó dẫn tới cập nhật, tổng hợp số liệu không đầy đủ, thiếu chính xác.

- Hầu hết các xã chưa đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền cấp xã quản lý, sử dụng, chỉ có 02 xã đã thực hiện[3].

- Đối với các xã Chư Ngọc, Krông Năng, Ia Dreh, Ia Rmok và Phú Cần. Dự án có thực hiện thu hồi đất của các hộ để thực hiện Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ. Tuy nhiên, công tác phối hợp giữa chủ đầu tư và các cấp chính quyền địa phương thiếu chặt chẽ, do vậy, nhiều giấy CNQSDĐ của các hộ dân đã được Nhà nước bồi thường chưa được chỉnh lý biến động theo quy định của pháp luật.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai và các văn bản quy định liên quan đến người dân chưa được thường xuyên, chưa cụ thể.

- Công tác quản lý hồ sơ, số liệu, tài liệu thuộc lĩnh vực đất đai tại một số xã thiếu chặt chẽ, không đảm bảo theo quy định; khi có sự thay đổi Công chức Địa chính – Xây dựng xã, hồ sơ bàn giao không đầy đủ, thiếu hoặc bị thất lạc.

2.2. Tồn tại riêng từng UBND xã, thị trấn

(1) UBND thị trấn Phú Túc

- UBND và Chủ tịch UBND thị trấn chưa thực sự quan tâm đến việc quản lý, sử dụng quỹ đất công ích: tại TDP 10, có diện tích 5,34ha, hiện nay TDP đang đứng ra cho thuê lấy tiền sử dụng vào mục đích của Tổ dân phố, như vậy là không đúng thẩm quyền cho thuê đất công ích theo quy định tại Khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013, thẩm quyền trách nhiệm thuộc UBND thị trấn.

- Chưa thống kê để đưa vào quản lý, sử dụng các thửa đất đất chưa sử dụng, đất công hình thành do điều chỉnh quy hoạch.

(2) UBND xã Chư Drăng

---

[3] Xã Ia Rsai (đã cấp GCNQSDĐ: 11/23 thửa đất); xã Chư Ngọc (đã cấp GCNQSDĐ: 09/23 thửa đất).

- UBND và Chủ tịch UBND xã thực hiện trách nhiệm trong công tác quản lý quỹ đất công thuộc thẩm quyền cấp xã chưa chặt chẽ, không có hồ sơ quản lý đối với quỹ đất công.

- Công tác thống kê, kiểm tra rà soát đất công chưa thường xuyên dẫn đến không có số liệu tổng hợp theo yêu cầu của Đoàn giám sát; không nắm được các quỹ đất công thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của UBND xã.

(3) UBND xã Ia Rsươm

- Công tác quản lý, sử dụng đất: UBND và Chủ tịch UBND xã thiếu chặt chẽ, chưa quan tâm đúng mức, phần lớn còn giao trách nhiệm cho công chức Địa chính xã.

- Công tác thống kê, kiểm tra rà soát đối với quỹ đất công hằng năm chưa thường xuyên, dẫn tới số liệu tổng hợp cho Đoàn bị thiếu, không đảm bảo; chưa nắm hết được các quỹ đất công thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của UBND xã.

- UBND và Chủ tịch UBND xã chưa thực sự quan tâm đến việc quản lý, sử dụng quỹ đất công ích: tại thôn Hưng Phú, có 10 thửa, với diện tích 5,91ha, hiện nay thôn Hưng Phú đang đứng ra cho thuê lấy tiền sử dụng vào mục đích của thôn, như vậy là không đúng thẩm quyền cho thuê đất công ích theo quy định tại Khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013, thẩm quyền trách nhiệm thuộc UBND xã.

(4) UBND xã Phú Cần

- UBND và Chủ tịch UBND xã thực hiện trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đất chưa chặt chẽ; công chức Địa chính chưa nắm hết đối với một số diện tích đất phi nông nghiệp do xã quản lý sử dụng, như: Đất nghĩa địa, đất sân bóng...

(5) UBND xã Ia Rmok

- Công tác quản lý, sử dụng đất: UBND và Chủ tịch UBND xã không xác định được vị trí 25 thửa đất (16,1ha quỹ đất công ích 5%) của xã và không có hồ sơ quản lý đối với quỹ đất công này.

- Về quỹ đất công ích 5%, xã chưa làm thủ tục đấu giá cho thuê đất, gây lãng phí nguồn thu ngân sách của xã.

- Qua giám sát cho thấy, việc xác định thẩm quyền quản lý, sử dụng đất của UBND và Chủ tịch UBND xã còn hạn chế, để hộ dân làm nhà ở nhiều năm đối với diện tích đất Trạm xá xã *(vị trí đất tại buôn Ma Dan)*; Trên địa bàn xã có 10 nhà sinh

hoạt cộng đồng, nhưng hiện chỉ có 4 nhà có quyết định của huyện và sơ đồ thửa đất[4], còn 6 nhà không có quyết định và sơ đồ đất.

- Công tác thống kê, rà soát đất công chưa thường xuyên nên dẫn tới số liệu tổng hợp chưa đầy đủ, chính xác.

- Công tác quản lý, bàn giao hồ sơ, số liệu, tài liệu phục vụ công tác quản lý đất đai không đảm bảo. Nhiều tài liệu không lưu trữ bàn giao khi thay đổi công chức, dẫn đến thất lạc.

(6) UBND xã Ia Mlah

- UBND và Chủ tịch UBND xã chưa thực hiện hết trách nhiệm trong tác quản lý, sử dụng quỹ đất công, phần lớn còn giao trách nhiệm cho công chức Địa chính xã.

- Công tác thống kê, kiểm tra rà soát đất phi nông nghiệp phục vụ vào mục đích công hằng năm chưa thường xuyên, dẫn tới số liệu tổng hợp chưa đầy đủ, chính xác.

- Về quỹ đất công ích 5% của xã, có tổng diện tích là 10,94 ha, trong đó: diện tích đất nông nghiệp *(cây hằng năm)* là 8,25 ha, từ năm 2021 đến nay xã chưa làm thủ tục đấu giá cho thuê đất lại, gây lãng phí nguồn thu ngân sách của xã; đối với diện tích lúa nước 2,69ha, trong đó: xã đã cho cá nhân thuê 2ha *(theo hợp đồng)* từ năm 2017 đến nay, còn lại với diện tích 0,69ha bị người dân lấn chiếm và chưa có hướng xử lý.

(7) UBND xã Chư Gu

- Công tác quản lý, sử dụng đất: UBND và Chủ tịch UBND xã chưa thực sự quan tâm đến quỹ đất công ích 5%, chưa làm thủ tục đấu giá cho thuê đất, gây lãng phí nguồn thu của xã.

- Đối với phần diện tích 20.719 m2 đất công trước Nhà máy điện năng lượng mặt trời Krông Pa, UBND xã Chư Gu chưa đưa vào quản lý theo quy định.

(8) UBND xã Ia Dreh

- UBND và Chủ tịch UBND xã chưa thực hiện hết trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đất chưa sử dụng, do vậy dẫn đến để người dân sản xuất canh tác trên đất nông nghiệp đối với diện tích đất thuộc thẩm quyền quản lý.

---

[4] Gồm buôn Thiơl, buôn Jao, buôn Dan (nay là buôn Gum Gốp) và buôn Dúi (nay là buôn Ia Klon)

- UBND và Chủ tịch UBND xã chưa kịp thời báo cáo UBND huyện có hướng giải quyết dứt điểm những vấn đề bất đồng giữa chủ đất cũ và chủ đất mới được tái định cư.[5]

(9) UBND xã Đất Bằng

- UBND và Chủ tịch UBND xã thực hiện trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng quỹ đất công thuộc thẩm chưa chặt chẽ, chưa nắm hết đối với đất phi nông nghiệp do xã quản lý sử dụng, như: Đất nhà Bia tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ...

(10) UBND xã Krông Năng

- UBND và Chủ tịch UBND xã hằng năm chưa thường xuyên quan tâm đến công tác thống kê, kiểm tra rà soát quỹ đất công thuộc thẩm quyền cấp xã quản lý, sử dụng nên số liệu tổng hợp chưa đầy đủ và không chính xác.

- Đối với phần diện tích 2.478 m2 đất công *(phần diện tích đất Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ thu hồi để quy hoạch làm chợ)*, UBND xã Krông Năng chưa đưa vào quản lý theo quy định.

(11) UBND xã Chư Ngọc

- Công tác thống kê, kiểm tra rà soát đất công chưa thường xuyên nên số liệu tổng hợp không đầy đủ và chính xác.

(12) UBND xã Chư Rcăm

- UBND và Chủ tịch UBND xã thực hiện trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng quỹ đất công thuộc thẩm chưa chặt chẽ.

- Đất khu Đầu Cầu lệ Bắc, tại Thôn Mới, thửa đất số 9, 10,12, 14, 15, tờ bản đồ số 27, với diện tích 9.892 m2, đang bị người dân chiếm dụng nhưng UBND xã chưa có biện pháp giải quyết theo thẩm quyền.

(13) UBND xã Ia Rsai

- Chưa xác định để thực hiện quản lý diện tích đất dự phòng dự án di dân vùng sạt lở buôn Puh Chik, Pan. *(Lý do: Chủ đầu tư chưa tổ chức bàn giao chi tiết ngoài thực địa).*

(14) UBND xã Uar

---

[5] Việc bồi thường đất đai, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc cho chủ đất cũ trước khi quy hoạch khu tái định cư chưa được giải quyết dứt điểm, dẫn đến xảy ra tranh chấp, như đất Nghĩa địa: buôn Djrông cũ, nay là buôn Tơ Nung; buôn Chứ Mkia cũ, nay là buôn Chờ Tung; buôn Drai + buôn Nai cũ đến này vẫn chưa được thu hồi để quản lý theo quy định.

- Công tác quản lý, sử dụng đất: UBND và Chủ tịch UBND xã chưa thực sự quan tâm đến công tác cắm mốc đối với diện tích đất công ích 5% của xã.

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với UBND huyện

1.1. Chỉ đạo rà soát, thống kê, đo đạc toàn bộ diện tích đất công ích, đất chưa sử dụng trên địa bàn các xã, thị trấn để điều đỉnh, cập nhật biến động theo đúng hiện trạng sử dụng đất, đồng thời lập hồ sơ, bàn giao lại toàn bộ quỹ đất chưa giao, chưa cho thuê cho UBND xã, thị trấn quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật Đất đai năm 2013; Chỉ đạo các địa phương tổ chức rà soát kỹ quỹ đất công, chi tiết đến từng thửa, vị trí, diện tích, cắm mốc rõ ràng; chấn chỉnh công tác quản lý sử dụng quỹ đất công ở các địa phương chưa đúng theo đúng quy định.

1.2. Hàng năm, tiếp tục chỉ đạo các ngành chuyên môn ở huyện thực hiện việc kiểm tra thường xuyên đối với công tác quản lý, sử dụng đất công tại các xã, thị trấn để kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế tránh tình trạng có những địa phương đã để xảy ra những, tồn tại hạn chế, kéo dài gây bức xúc trong nhân dân.

1.3. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao hiệu quả việc tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, triển khai các văn bản liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất công cấp xã cho lãnh đạo UBND và công chức địa chính cấp xã, để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng quỹ đất công cấp xã của UBND xã, thị trấn.

1.4. Đối với Dự án di dân vùng sạt lở xã Ia Rsai đã được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số: 623/QĐ-UBND ngày 05/06/2012, có 170 hộ trong vùng Dự án di dân vùng sạt lở xã Ia Rsai, huyện Krông Pa. Nhưng đến nay, chủ dự án và ngành chuyên môn chưa tổ chức bàn giao phần diện tích đất dự phòng còn lại cho UBND xã quản lý. Đề nghị UBND huyện quan tâm chỉ đạo.

1.5. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được Đoàn giám sát của Thường trực HĐND kiến nghị sau giám sát.

2. Ủy ban nhân dân 14 xã, thị trấn

- UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo đúng quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013. Thực hiện tốt công tác quản lý đất chưa sử dụng theo đúng quy định tại Điều 164 Luật Đất đai năm 2013.

- Rà soát lại quỹ đất công ích đến từng thửa, đảm bảo chính xác. Bên cạnh đó cần soát xét đưa diện tích đất khai hoang, đất các hộ gia đình, cá nhân trả lại hoặc tặng cho nhà nước vào quỹ đất công ích *(5%)* để phát triển quỹ đất này của các địa phương; tập trung quản lý sử dụng đất công ích đảm bảo theo quy định, tránh trường hợp giao cho thôn xóm quản lý, trái quy định của pháp luật.

- Đối với UBND các xã, thị trấn: Ia Rmok, Ia Mlah, Ia Rsươm và Phú Túc sớm khắc phục việc cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất công ích nhưng không tổ chức đấu giá, không có hợp đồng cụ thể rõ ràng; rà soát các thửa đất công chưa cho thuê tiến hành cho thuê đất nhằm tận dụng nguồn thu để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Quản lý chặt chẽ các thửa đất công, lưu ý các thửa đất nhỏ, lẻ, xen kẽ tránh trường hợp để bị lấn chiếm trái phép.

- Đối với đất các cơ quan, tổ chức do không còn nhu cầu sử dụng hoặc thực hiện sắp nhập thì rà soát tổng hợp, xây dựng phương án sử dụng đất phù hợp đề xuất lên cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết trong năm 2023.

- Chỉ đạo công chức Địa chính tham mưu thực hiện quy trình, đề nghị cấp giấy chứng nhận QSDĐ của UBND xã và các cơ quan trên địa bàn xã.

- UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được Đoàn giám sát chỉ ra tại báo cáo này gửi về TT HĐND huyện trước ngày 30/1/2023.

3. Chủ tịch UBND 14 xã, thị trấn

Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Luật Đất đai năm 2013; Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất chưa giao, chưa cho thuê tại địa phương theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật Đất đai năm 2013.

4. Đối với các cơ quan, đơn vị huyện tham gia Đoàn giám sát

4.1. Đề nghị chấn chỉnh việc cắt cử cán bộ tham gia làm thành viên Đoàn giám sát khi đi làm việc trực tiếp với các xã *(tránh tình trạng trong một đợt giám sát, phân công thay đổi cán bộ tham gia).*

4.2. Cán bộ được phân công chưa duy trì thời gian tham gia cùng Đoàn đi làm việc tại các xã, ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực chuyên môn do đơn vị phụ trách.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát công tác quản lý, sử dụng đất thuộc thẩm quyền UBND cấp xã, trên địa bàn 14 xã, thị trấn. Đoàn giám sát của Thường trực HĐND huyện kính trình Thường trực HĐND huyện xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- MTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện, khóa XII;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Ủy Ban kiểm tra Huyện ủy;
- VP.HĐND&UBND huyện;
- TT HĐND, UBND 14 xã, thị trấn;
- Lưu: HĐND huyện.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Nay Quyên

TỔNG HỢP ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(thuộc quỹ đất công ích 5 % xã, thị trấn)

Biểu số 01

I. UBND thị trấn Phú Túc

STT	Vị trí *(thôn, buôn, TDP)*	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích (ha)	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Tổ dân phố 10	26; 11	0,3272	Ao	Đất TDP 10 cho thuê nuôi cá	Đất các hộ dân kinh tế mới khai hoang, nay TDP cho thuê lấy tiền xây dựng cơ sở hạ tầng trong tổ
2	Tổ dân phố 10	14; 12	0,9427	NHK	Đất sân bóng TDP	
3	Tổ dân phố 10	15; 12	0,7349	NHK	Đất TDP 10 cho thuê trồng mì	
4	Tổ dân phố 10	16; 12	0,8625	NHK	Đất TDP 10 cho thuê trồng mì	
5	Tổ dân phố 10	17; 12	1,2174	NHK	Đất TDP 10 cho thuê trồng mì	
6	Tổ dân phố 10	18; 12	0,8474	NHK	Đất TDP 10 cho thuê trồng mì	
7	Tổ dân phố 10	41; 12	0,4041	NHK	Đất TDP 10 cho thuê trồng mì	
Tổng cộng			**5,3362**			

II. UBND xã Ia Rmok

1. Khu quy hoạch tái định canh, sông ba hạ và lòng hồ Ia Dreh tại cánh đồng xã Ia Rmok, còn dư huyện giao xã quản lý.

STT	Vị trí thôn, buôn	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích (ha)	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Cánh đồng Ia Rmok	08; 05	0,365	NHK	Tình trạng sử dụng đất: Hiện nay, xã cho các hộ dân (đã được đền bù) thuê lại với số tiền 2.000.000 đồng/1 thửa đất/1 năm, nhưng chỉ có có 2 hộ nộp tiền. Xét thấy, xã đã không thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai 2013 quy định về cho thuê đất công ích của xã, đã để các hộ dân sử dụng không đúng quy định của Luật đất đai	UBND xã không xác định được từng vị trí thửa đất, chưa đăng ký cấp GCN quyền sử dụng đất
2	Cánh đồng Ia Rmok	02; 05	0,985	NHK		
3	Cánh đồng Ia Rmok	07; 05	0,108	NHK		
4	Cánh đồng Ia Rmok	06; 05	1,091	NHK		
5	Cánh đồng Ia Rmok	01; 05	0,311	NHK		
6	Cánh đồng Ia Rmok	03; 05	1,759	NHK		
7	Cánh đồng Ia Rmok	04; 05	0,413	NHK		
8	Cánh đồng Ia Rmok	05; 05	0,295	NHK		
9	Cánh đồng Ia Rmok	16; 05	1,079	NHK		
10	Cánh đồng Ia Rmok	17; 05	0,339	NHK		
11	Cánh đồng Ia Rmok	18; 05	0,635	NHK		
12	Cánh đồng Ia Rmok	15; 05	1,408	NHK		
13	Cánh đồng Ia Rmok	14; 05	0,600	NHK		
14	Cánh đồng Ia Rmok	13; 05	0,613	NHK		
15	Cánh đồng Ia Rmok	20; 05	0,783	NHK		
16	Cánh đồng Ia Rmok	19; 05	0,374	NHK		
17	Cánh đồng Ia Rmok	34; 05	0,157	NHK		
18	Cánh đồng Ia Rmok	35; 05	0,537	NHK		
19	Cánh đồng Ia Rmok	38; 05	1,927	NHK		
20	Cánh đồng Ia Rmok	36; 05	0,751	NHK		
21	Cánh đồng Ia Rmok	37; 05	0,233	NHK		
22	Cánh đồng Ia Rmok	39; 05	0,513	NHK		
23	Cánh đồng Ia Rmok	46; 05	0,363	NHK		
24	Cánh đồng Ia Rmok	28; 05	0,310	NHK		
25	Cánh đồng Ia Rmok	25; 05	0,187	NHK		
	Tổng cộng		**16,136**			

2. **Đất công 5% khu quy hoạch tái định cư buôn Kơ Nia (củ)**

STT	Vị trí thôn, buôn	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích (ha)	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Buôn Kơ Nia (củ)	33; 01	1,877	NHK	Thôn cho dân mượn canh tác	UBND xã và BQL DA ĐB DD TĐC huyện không có hồ sơ
2	Buôn Kơ Nia (củ)	26; 01	0,204	NHK	Thôn cho dân mượn canh tác	
3	Buôn Kơ Nia (củ)	80; 01	0,850	NHK	Thôn cho dân mượn canh tác	
4	Buôn Kơ Nia (củ)	83; 01	0,426	NHK	Thôn cho dân mượn canh tác	
5	Buôn Kơ Nia (củ)	34; 01	2,616	NHK	Thôn cho dân mượn canh tác	
6	Buôn Kơ Nia (củ)	06; 01	0,643	NHK	Thôn cho dân mượn canh tác	
7	Buôn Kơ Nia (củ)	13; 01	0,317	NHK	Thôn cho dân mượn canh tác	
	Tổng cộng		**6,933**			

III. UBND xã Uar

STT	Vị trí thôn, buôn	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Thôn Thanh Bình	82,83; 29	3,00	NHK	Đang cho thuê	Có bờ ranh thửa rõ ràng, chưa đăng ký cấp GCN quyền sử dụng đất
2	Thôn Thanh Bình	17; 29	0,77	NHK	0,27ha đang cho thuê; 0,5ha xã quản lý	
3	Buôn Choanh	198; 31	0,58	NHK	Đang cho thuê	
Tổng cộng			**4,35**			

IV. UBND xã Chư Gu

STT	Vị trí thôn, buôn	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (ha)	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Buôn Đông Thuớ	1	29	0,142	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	UBND xã quản lý, chưa đăng ký cấp GCN quyền
2	Buôn Đông Thuớ	2	29	0,193	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
3	Buôn Đông Thuớ	3	29	0,187	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
4	Buôn Đông Thuớ	4	29	0,171	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	

5	Buôn Đông Thuớ	5	29	0,087	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	sử dụng đất, chưa làm thủ tục cho thuê
6	Buôn Đông Thuớ	6	29	0,050	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
7	Buôn Đông Thuớ	7	29	0,134	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
8	Buôn Đông Thuớ	8	29	0,166	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
9	Buôn Đông Thuớ	33	29	0,141	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
10	Buôn Đông Thuớ	34	29	0,123	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
11	Buôn Đông Thuớ	35	29	0,156	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
12	Buôn Đông Thuớ	36	29	0,119	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
13	Buôn Đông Thuớ	37	29	0,153	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
14	Buôn Đông Thuớ	38	29	0,158	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
15	Buôn Đông Thuớ	39	29	0,133	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
16	Buôn Đông Thuớ	40	29	0,166	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
17	Buôn Đông Thuớ	41	29	0,155	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
18	Buôn Đông Thuớ	9	29	0,109	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
19	Buôn Đông Thuớ	42	29	0,015	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
20	Buôn Ka Tô	43	3	0,243	NHK	Đất trống, về ranh giới đã cắm mốc	
21	Buôn Ka Tô (Sông Pa)	56	6	0,075	NHK	UBND xã quản lý	
22	Buôn Ka Tô (Sông Pa)	55	6	0,048	NHK	UBND xã quản lý	
23	Buôn Ka Tô (Sông Pa)	76	6	0,040	NHK	UBND xã quản lý	
24	Buôn Ka Tô (Sông Pa)	75	6	0,103	NHK	UBND xã quản lý	
Tổng cộng				**3,067**			

V. UBND xã Ia Mlah

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Thửa đất	Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
Đất ruộng 2,69 ha gồm 45 thửa (theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 18/06/2019)							
1	Buôn Tân Tuk	130	01	0,016	LUC	Với tổng diện tích 2,69 ha, trong đó: 2ha xã cho cá nhân thuê (theo hợp	
2	Buôn Tân Tuk	292	01	0,100	LUC		
3	Buôn Tân Tuk	364	01	0,097	LUC		

4	Buôn Tân Tuk	371	01	0,040	LUC	đồng) từ năm 2017 đến nay, còn đối với diện tích 0,69ha đang bị dân lấn chiếm và chưa có hướng xử lý.	
5	Buôn Tân Tuk	372	01	0,090	LUC		
6	Buôn Tân Tuk	377	01	0,096	LUC		
7	Buôn Tân Tuk	383	01	0,061	LUC		
8	Buôn Tân Tuk	390	01	0,057	LUC		
9	Buôn Tân Tuk	391	01	0,046	LUC		
10	Buôn Tân Tuk	397	01	0,046	LUC		
11	Buôn Tân Tuk	398	01	0,054	LUC		
12	Buôn Tân Tuk	405	01	0,054	LUC		
13	Buôn Tân Tuk	406	01	0,055	LUC		
14	Buôn Tân Tuk	413	01	0,049	LUC		
15	Buôn Tân Tuk	416	01	0,061	LUC		
16	Buôn Tân Tuk	419	01	0,124	LUC		
17	Buôn Tân Tuk	423	01	0,041	LUC		
18	Buôn Tân Tuk	424	01	0,120	LUC		
19	Buôn Tân Tuk	425	01	0,128	LUC		
20	Buôn Tân Tuk	426	01	0,083	LUC		
21	Buôn Tân Tuk	428	01	0,039	LUC		
22	Buôn Tân Tuk	429	01	0,020	LUC		
23	Buôn Tân Tuk	430	01	0,089	LUC		
24	Buôn Tân Tuk	431	01	0,049	LUC		
25	Buôn Tân Tuk	436	01	0,017	LUC		
26	Buôn Tân Tuk	437	01	0,019	LUC		
27	Buôn Tân Tuk	438	01	0,053	LUC		
28	Buôn Tân Tuk	439	01	0,088	LUC		
29	Buôn Tân Tuk	445	01	0,022	LUC		
30	Buôn Tân Tuk	446	01	0,020	LUC		
31	Buôn Tân Tuk	447	01	0,026	LUC		
32	Buôn Tân Tuk	448	01	0,054	LUC		
33	Buôn Tân Tuk	449	01	0,051	LUC		

34	Buôn Tân Tuk	454	01	0,031	LUC		
35	Buôn Tân Tuk	455	01	0,069	LUC		
36	Buôn Tân Tuk	457	01	0,049	LUC		
37	Buôn Tân Tuk	458	01	0,097	LUC		
38	Buôn Tân Tuk	460	01	0,052	LUC		
39	Buôn Tân Tuk	461	01	0,031	LUC		
40	Buôn Tân Tuk	464	01	0,041	LUC		
41	Buôn Tân Tuk	465	01	0,044	LUC		
42	Buôn Tân Tuk	466	01	0,039	LUC		
43	Buôn Tân Tuk	400	01	0,085	DCS		
44	Buôn Tân Tuk	408	01	0,089	DCS		
45	Buôn Tân Tuk	89	01	0,108	NHK		Thành đất ruộng
Tổng cộng				**2,695**			
Quỹ đất công ích 5% là 8,25 ha gồm có 5 thửa (theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 20/06/2019)							
1	Buôn Chính Hoà	13	31	3,563	NHK	Diện tích đất 8,25ha, từ năm 2017 đến hết năm 2020, xã cho thuê. Nhưng từ tháng 4 năm 2021 đến này để đất trống, xã chưa làm thủ tục đấu giá cho thuê lại.	
2	Buôn Chính Hoà	30	31	0,539	NHK		
3	Buôn Chính Hoà	31	31	0,211	NHK		
4	Buôn Chính Hoà	32	31	0,340	NHK		
5	Buôn Chính Hoà	52	31	3,597	NHK		
Tổng cộng				**8,250**			

VI. UBND xã Ia Rsươm

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Thôn Hưng Phú	Thửa: 13, 16, 20, 22, 26, 29, 31; Tờ bản đồ: 16	7,771	NHK	Đang cho thuê	
Tổng cộng:			**7,771**			

TỔNG HỢP ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Phục vụ vào mục đích công thuộc thẩm quyền UBND xã, thị trấn quản lý, sử dụng)

Biểu số 02

I. UBND thị trấn Phú Túc

STT	Vị trí thôn, buôn	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích *(m2)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 1	91-25D	116	DSH		
2	Tổ dân phố 2	246-25C	2.358	CLN	Đất trống, dự kiến xây dựng nhà SHCĐ TDP2	
3	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 2	79-30A	403	DSH		
4	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 3	21D	1.202	DSH		Chưa có số thửa
5	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 4	86-20C (một phần thửa)	8.437	DSH		Đất nằm trong một phần thửa 86
6	Tổ dân phố 4	729-25A	327	DSH	Đất trống	Nhà SHCĐ TDP4 cũ
7	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 5	48-24B	2.232	DSH		
8	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 6	23-25B	790	DSH		Nằm trong một phân thửa số 23
9	Tổ dân phố 7	339-15	114	DSH	Đất trống	Nhà SHCĐ TDP 12 cũ
10	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 7	194-10	1.911	DSH		
11	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 8	19D	379	DSH		
12	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 9	26-26B	2.014	DSH		TDP 10 cũ
13	Sân bóng thôn Thành Công, Tổ dân phố 9	77-26C	5.391	DTT		
14	Nhà SHCĐ Tổ dân phố 10	239-12	1.937	DGD		Nhà SHCĐ TDP 14 cũ (đã thu hồi 1 phần làm kênh mương thủy lợi)
15	Tổ dân phố 10	26-11 (một	3.272	TSN	Đất nuôi trồng	Chưa tách thửa

		phần thửa)			thủy sản + Nhà sinh hoạt CĐ TDP10	
16	Tổ dân phố 5	170-24B	4.173	NTD	Đất nghĩa địa Buôn Kết TDP5	
17	Tổ dân phố 6	23-25B	1.008	NTD	Đất trống Quy hoạch trụ sở Công an Thị trấn	
18	Tổ dân phố 8	13-229	6.500	NTD	Đất nghĩa trang nhân dân TT Phú Túc	
19	Đất nghĩa địa Tổ dân phố 9	27-26	5.021	NHK		
20	Tổ dân phố 1	17-25C	1.191	DVH	Đất xây dựng tượng đài ngã ba tam giác	
21	Tổ dân phố 4	160-25A	4.559	DKV	Đất công viên Phú Túc	
22	Tổ dân phố 3	11-26A	1.372	DTL	Đất trống	Đất nhà máy nước cũ
23	Tổ dân phố 4	199-25A	380	TMD	Đất ở đô thị	Đã lập phương án đấu giá
24	Tổ dân phố 4	104-25A	75	ODT+CLN	Đất ở đô thị	Đã lập phương án đấu giá
25	Tổ dân phố 1	695-25A	55	CLN	Đất ở đô thị	Đã lập phương án đấu giá
26	Tổ dân phố 8	08-19	4.800	DTS	Đất Cty quản lý sửa chữa cầu đường cũ, UBND huyện giao UBND TT Phú Túc quản lý	

27	Đất chợ Phú Túc, Tổ dân phố 4	193-25A	8.788	DCH		
28	Đất chợ ngoài trời, Tổ dân phố 5	142-24B	1.065	DGD		
Tổng cộng			**69.870**			

II. UBND xã Chư Drăng (không thể hiện được số liệu).

III. UBND xã Ia Rsươm (không thể hiện được số liệu).

IV. UBND xã Phú Cần

STT	Vị trí thôn, buôn	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích *(m2)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã Phú Cần	66; 30	5.311	TSC		
2	Nhà SHCĐ thôn Hưng Hà	45; 23	971	NVH		
3	Nhà SHCĐ buôn Tang	62; 24	522	NVH		
4	Nhà SHCĐ thôn Thắng Lợi	(Mpt) 30; 30	517	NVH		
5	Nhà SHCĐ buôn Bluk	(Mpt) 237; 31	330	NVH		
6	Nhà SHCĐ buôn Thim	(Mpt) 16; 36	420	NVH		
7	Nhà SHCĐ buôn Mlah	(Mpt) 124; 32	1.056	NVH		
8	Qũy đất công Bãi rác cũ, khu dốc đỏ, xã Phú Cần		7.533			UBND huyện đã có QĐ số 175/QĐ-UBND ngày 7/6/2018 bàn giao cho UBND xã quản lý
9	Qúy đất công nắn tuyến cầu Phú Cần		83,3			Phòng TN&MT huyện đã có biên bản bàn giao ngày 13/9/2017 theo sự chỉ đạo của UBND huyện cho UBND xã Phú Cần quản lý
10	Qúy đất công nắn tuyến cầu Phú Cần (Đầu cầu Phú Cần)		989,2			Phòng TN&MT huyện đã có biên bản bàn giao ngày

						13/9/2017 theo sự chỉ đạo của UBND huyện cho UBND xã Phú Cần quản lý
Tổng cộng			**17.733**			

V. UBND xã Ia Rmok

STT	Vị trí thôn, buôn	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích *(m2)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã Ia Rmok	64,66; 19	2.828	TSC		
2	Nhà văn hóa xã Ia Rmok	163 (Mpt); 18	1434	DSH		
3	Nhà văn hóa buôn Bhă (cũ), nay buôn Bhă Nga	283(Mpt); 19	480	DVH		
4	Nhà văn hóa buôn Nông Siu	55; TĐ- 01-2000	651,5	DVH		
5	Nhà văn hóa buôn H'Nga (cũ), Nay Bhă Nga	56(Mpt); 25	640	DVH		
6	Nhà văn hoa buôn Dan (cũ), nay buôn Gum gốp	07(Mpt); 19	560	DVH		
7	Nhà văn hóa buôn kơ Nia (cũ), nay buôn Blăk	38; TĐ2019	4336,3	DVH		
8	Nhà văn hóa buôn Blăk	71; 18	640	DVH		
9	Nhà văn hóa buôn Thiơl (cũ), nay buôn Gum Gốp	151(Mpt); 19	237	DVH		
10	Nhà văn hóa buôn Jao (cũ), nay buôn Gum gốp	231(Mpt); 19	360	DVH		
11	Nhà văn hóa buôn Dúi (cũ), nay buôn Ia Klon	194(Mpt); 13	510	DVH		
12	Nhà văn hóa buôn lái (cũ), nay buôn Ia Klon	61(Mpt); 8	416	DVH		
13	Trạm y tế xã (cũ), nay buôn	03; 19	5244	DYT		

	Gum gốp					
14	Nghĩa địa buôn Blăk	10; 18	6.835	NTĐ		
15	Nghĩa địa 3 buôn Thiơl + buôn H'nga +buôn Dan (cũ), nay là buôn Gum gốp	84; 19	18.290	NTĐ		
16	Nghĩa địa buôn Jao (cũ), nay là buôn Gum gốp	40; 18	3.757	NTĐ		
17	Nghĩa địa buôn Bhă (cũ), nay là buôn Bhă Nga	33; 19	18.831	NTĐ		
18	Nghĩa địa buôn Dúi (cũ), nay là buôn Ia Klon	103; 13	830	NTĐ		
19	Nghĩa địa buôn lái (cũ), nay là buôn Ia Klon	107; 08	940	NTĐ		
Tổng cộng			**67.820**			

VI. UBND xã Ia Mlah

STT	Vị trí *(thôn, buôn, TDP)*	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã Ia Mlah		17.900	TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	
2	NSHCĐ buôn Dù		200	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng (Đang sử dụng)	
3	NSHCĐ buôn Prong		450	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng (Đang sử dụng)	
4	NSHCĐ thôn Xóm Kinh		400	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng (không sử dụng)	
5	NSHCĐ thôn Hòa Mỹ		450	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng (Đang sử dụng)	
6	NSHCĐ buôn Chính Đơn I		360	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng (không sử dụng)	
7	NSHCĐ buôn Chính Đơn II		270	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng	

					(không sử dụng)	
8	NSHCĐ buôn Ơi Đăk		500	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng (Đang sử dụng)	
9	NSHCĐ buôn Ơi Yik		450	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng (không sử dụng)	
Tổng cộng			**20.980**			

VII. UBND xã Chư Gu

STT	Vị trí	Thửa đất	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Chư Bang	35	51	12.534	TSC	Trụ sở UBND xã	N 0011235 DT chưa cấp 5642
2	Buôn Chư Bang (TĐ 3 củ)	142	42	1.002	NTD	Nghĩa địa củ, Có hàng rào	Chưa có trích lục
3	BuônTơ Nia (TĐ6 củ)	117(TMP)	14	5.414	NTD	Nghĩa địa củ, Có hàng rào	Chưa có trích lục
4	Buôn Chư Jut (Bđuk củ)	160	19	1.425	NTD	Nghĩa địa củ, Có hàng rào	Chưa có trích lục
5	Buôn Chư Jut (BBát củ)	49	18	1.959	DVH	Nhà văn Hóa, Có hàng rào	Chưa có trích lục
6	Buôn Chư Jut (BBát củ)	96(MP Chưa có BĐ	49	8.411	NTD	Nghĩa địa củ, Có hàng rào	Chưa có trích lục
7	Buôn Chư Bang (TĐ3 củ)	42	142	1.002	NTD	Nghĩa địa củ, Có hàng rào	Chưa có trích lục
8	Buôn Chư Buôn Bang (TĐ3 củ)	42	122	342	DVH	Nhà văn Hóa, Có hàng rào	Chưa có trích lục
9	Buôn Chư Jut (KX củ)	50	176	566	DVH	Nhà văn Hóa, Có hàng ràu	Chưa có trích lục
10	Buôn Chư Jut (KX củ)	44	30	2.139	NTD	Nghĩa địa củ, Có hàng rào	Chưa có trích

							lục
11	Tập đoàn 4+5	33	42	1.485	NTD	Nghĩa địa củ	Chưa có trích lục
12	Tập đoàn 4+5	41	18(TMP)	308	DVH	Nhà văn Hóa, Có hàng rào	Chưa có trích lục
13	Tơ Nia (TĐ8 củ)	35	44	375	DVH	Nhà văn Hóa, Có hàng rào	Chưa có trích lục
14	Buôn Tơ Nia (TĐ7+8 củ)	111	34	2.442	NTD	Nghĩa địa củ, Có hàng rào	Chưa có trích lục
15	BuôTơ Nia (TĐ7+8 củ)	109	34	2.281	NTD	Nghĩa địa củ, Có hàng rào	Chưa có trích lục
16	Buôn Đông Thuớ (Thôn 1củ)	29	53	240	DVH	Nhà văn Hóa, Có hàng rào	Chưa có trích lục
17	Buôn Đông Thuớ (Thôn 2 củ)	6	135	1.958	DVH	Nhà văn Hóa, Có hàng rào	Chưa có trích lục
18	Buôn Ka Tô (Thôn 3 củ)	6	41(TMP)	1.081	DVH	Nhà văn Hóa, Có hàng rào	Chưa có trích lục
19	Buôn Ka Tô (B Lao củ)		2	1.592	NTD	Nghĩa địa củ, Có hàng rào	Chưa có trích lục
20	Buôn Tơ Nia(TĐ 6 củ)	34	58(TMP)	617	DVH	Nhà văn Hóa, Có hàng rào	Chưa có trích lục
21	Buôn Ka Tô (sông suối)	167a	1	10.623	HG	Sông suối. QĐ số 7/2021/QĐ-UBND, ngày 8/4/2021	Chưa có trích lục
22	Buôn Ka Tô (thôn 3 củ)	9	26	1.119	ONT	Làm sân thể thao thôn, UBND Xã QL	Chưa có trích lục
23	Buôn Ka Tô (thôn 3 củ)	87	6	6.976	DTT	Làm sân thể thao thôn, UBND Xã QL	Chưa có trích lục
24	Buôn Ka Tô (thôn 3 củ)	135	6	8.248	DTT	Làm sân thể thao thôn, UBND Xã QL	Chưa có trích lục

25	Buôn Đông Thuớ (Thôn 1+Thôn 2)	76	29	4.002	DTT	Làm sân thể thao thôn, UBND Xã QL	Chưa có trích lục
26	Buôn Đông Thuớ (Thôn 1+Thôn + thôn 3 củ)	86	6	2.504	NTD	Quy hoạch làm nghĩa trang 3 thôn củ Chư Đông, UBND Xã QL	Chưa có trích lục
27	Buôn Đông Thuớ Thôn 1+Thôn + thôn 3 củ)	89	6	6.319	NTD		Chưa có trích lục
28	Buôn Đông Thuớ (Thôn 1+Thôn 2)	155	28	1.217	DCH	Chợ	Chưa có trích lục
29	Buôn Đông Thuớ (Thôn 1+Thôn 2)	24	29	1.230	ONT	Ban QL CTTL quản lý	Chưa có trích lục
30	Đông Thuớ (Thôn 1+Thôn 2)	83	49	2.478	DTT	Làm sân thể thao thôn	Chưa có trích lục
31	Buôn Chư Bang (TĐ 8 củ)	50	35	104	ONT	UBND xã quản lý	Chưa có trích lục
32	Buôn Chư Bang (NT mới)	3	16	10.151	NTD	Nghĩa trang xã Chư Gu	Có Trích lục
33	Buôn Chư Jut (NLMT)		Chư Gu	5.807	ONT	UBND xã quản lý(QĐsố 176/QĐ-UBND ngày 11/6/2018)	Chưa có trích lục
34	Buôn Chư Jut (NLMT)		Chư Gu	7.382	ONT	UBND xã quản lý(QĐsố 176/QĐ-UBND ngày 11/6/2018)	Chưa có trích lục
35	Buôn Đông Thuớ	88	06	5.272	ONT	Huyện Cho Thuê	
36	Buôn Đông Thuớ	107	06	1.620	ONT	Huyện Cho Thuê	
Tổng cộng				**122.225**			

VIII. UBND xã Ia Dreh

STT	Vị trí (thôn/buôn, TDP)	Thửa đất, tờ bản đồ	Diện tích *(m2)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
01	Trụ sở UBND xã Ia	119; 18	8.664	TSC	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ

	Dreh					sơ địa chính
02	Nhà văn hóa xã Ia Dreh	81; 18	6.903	DSH	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
03	Đất chợ	1pt184;18	10.881	DCH	Đang để đất trống, chưa sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
04	Nhà sinh hoạt cộng đồng Buôn H'Vứt cũ, nay là buôn Kơ Jing	1pt 121; 11	360	DVH	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
05	Nhà sinh hoạt cộng đồng Buôn Nai cũ, nay là buôn Kơ Jing	1pt334; 11	360	DVH	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
06	Nhà sinh hoạt cộng đồng Buôn Drai cũ, nay là buôn Hdreh	71; 18	776	DVH	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng Buôn H'Yú cũ, nay là buôn Hdreh	1pt187; 18	386	DVH	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
8	Nhà sinh hoạt cộng đồng Buôn Djrông cũ, nay là buôn Tơ Nung	36; 02	696	DVH	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
9	Nhà sinh hoạt cộng đồng Buôn Tring cũ, nay là buôn Chờ Tung	1pt167; 39	1.200	DVH	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng Buôn Bầu cũ, nay là buôn Chờ Tung	1pt73; 50	625	DVH	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính

11	Nhà sinh hoạt cộng đồng Buôn Chứ Mkia cũ, nay là buôn Chờ Tung	1pt84; 49	559	DVH	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
12	Nghĩa địa buôn Hyú cũ, nay là buôn Hdreh	1pt190; 18	2000	NTD	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
13	Nghĩa địa buôn Drai + buôn Nai cũ	1pt210; 18	13.150	NTD	Đang sử dụng, Chưa làm thủ tục thu hồi đất	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
14	Nghĩa địa buôn Djrông cũ, nay là buôn Tơ Nung	35; 39	7.808	NTD	Đang sử dụng, Chưa làm thủ tục thu hồi đất	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
15	Nghĩa địa buôn Tring cũ, nay là buôn Chờ Tung	1pt21,25; 40	6.772	NTD	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
16	Nghĩa địa buôn bầu cũ, nay là buôn Chờ Tung	1pt169; 41	2.400	NTD	Đang sử dụng	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
17	Nghĩa địa buôn Chứ Mkia cũ, nay là buôn Chờ Tung	1pt76; 49	5571	NTD	Đang sử dụng, chưa làm thủ tục thu hồi đất	Chưa được đo đạc lập hồ sơ địa chính
Tổng cộng			**69.111**			

IX. UBND xã Đất Bằng

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Thửa đất	Tờ bản đồ	Diện tích *(m^2)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã Đất Bằng	76	19	7.609	TSC		
2	Nhà VH xã Đất Bằng	Một phần thửa	19	9.250	DVH		

		số:109					
3	Sinh hoạt công cộng Buôn Ia Rnho (buôn ơi khăm cũ)	Một phần thửa số:07	18	596	DVH		
4	Sinh hoạt công cộng buôn Ia Rnho (buôn leo cũ)	Một phần thửa số:46	19	399	DVH		
5	Sinh hoạt công cộng Buôn Ia Rnho (buôn hing cũ)	Một phần thửa số:29	19	480	DVH		
6	Sinh hoạt công cộng Buôn Ia Prông (buôn Nhe B cũ)	Một phần thửa số:29	30	783	DVH		
7	Sinh hoạt công cộng Buôn Ia Prông (buôn Nhe A cũ)	Một phần thửa số:44	30	382	DVH		
8	Sinh hoạt công cộng Buôn Ia Prông (buôn ma lông cũ)	Một phần thửa số:12	31	383	DVH		
9	Sinh hoạt công cộng Buôn Ia Rpua (buôn ma Phu cũ)	Một phần thửa số:68	33	450	DVH		
10	Sinh hoạt công cộng	Một	33	387	DVH		

	Buôn Ia Rpua (buôn ma H' Yai cũ)	phần thửa số:91					
11	Sinh hoạt công cộng Buôn Ma Giai	Một phần thửa số:06	48	910	DVH		
12	Trụ sở công an xã Đất Bằng	Một phần thửa số: 136	19	1.724	XD		
13	Nghĩa địa Buôn Ia Rnho (buôn Ơi khăm cũ)	77	17	578	NĐ		
14	Nghĩa địa Buôn Ia Rnho (buôn Ơi khăm cũ)	04	08	7.988	NĐ		
15	Nghĩa địa Buôn Ia Rnho (buôn Ma leo cũ)	42	19	11.369	NĐ		
16	Nghĩa địa Buôn Ia Rnho (buôn Ma Hing cũ)	58	19	5.334	NĐ		
17	Nghĩa địa Buôn Ia Prông (buôn Ma Nhe cũ)	55	20	4.660	NĐ		
18	Nghĩa địa Buôn Ia Prông (buôn Ma lông cũ)	33	31	2.825	NĐ		

19	Nghĩa địa Buôn Ia Prông (buôn Ma lông cũ)	41	31	3.405	NĐ		
20	Nghĩa địa Buôn Ia Rpua (buôn Ma Phu cũ)	40	23	13.978	NĐ		
21	Nghĩa địa Buôn Ia Rpua (buôn Ma Yái cũ)	97	33	1.439	NĐ		
22	Nghĩa địa Buôn Ma Giai	227	44	2.479	NĐ		
23	Nghĩa địa Buôn Ma Giai	63	44	3.810	NĐ		
Tổng cộng				**81.218**			

X. UBND xã Krông Năng

STT	Vị trí thôn, buôn	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã Krông Năng	189(mpt), 221(mpt);20	4.000	HNK	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất
2	Nhà văn hoá xã Krông Năng	142, 183(mpt); 20	2.984	HNK	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất
3	Nhà văn hóa buôn Ji A (cũ)	193(mpt); 20	618	ONT	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất

4	Nhà văn hóa buôn Ji B (cũ)	07; 02	999	TSC	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất
5	Nhà văn hóa buôn Tăng (cũ)	69; 35	918	HNK	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất
6	Nhà văn hóa buôn Tối (cũ)	33(mpt); 40	900	HNK	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất
7	Nhà văn hóa buôn Jú	47; 01	685	TSC	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất
8	Nhà văn hóa buôn Hlối (cũ)	34; 03	1.237	TSC	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất
9	Nhà văn hóa buôn Ban (cũ)	39; 04	1.038	TSC	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất
10	Đất thể thao tại buôn Ban (cũ)	54; 04	2.062	TSC	*Chưa sử dụng*	Chưa đo trích lục thửa đất
11	Đất chợ tại buôn Ji B (cũ)	184; 20	823	HNK	*Chưa sử dụng*	*Có trích lục thửa đất, chưa cấp GCN*
12	Đất thể thao tại buôn jú	39; 01(đo năm 2009)	906	HNK	*Chưa sử dụng*	*Có trích lục thửa đất, chưa cấp GCN*
13	Nghĩa địa buôn Ji A (cũ)	51,58,59; 19	4.500	NTĐ	Đang sử dụng	Chưa đo trích lục thửa đất

19	Nghĩa trang, nghĩa địa buôn Puh Chik (Buôn Chik cũ)	154; 28	1.538	NTD		
20	Nghĩa trang, nghĩa địa, thôn Quỳnh Phụ	4; 39	3.177	NTD		
21	Nghĩa trang, nghĩa địa thôn Quỳnh Phụ	6; 39	5.184	NTD		
22	Nghĩa trang, nghĩa địa buôn Enan	18(Mpt); 43	7.917	NTD		
23	Nghĩa trang, nghĩa địa buôn Chư Tê	32(Mpt); 21	9.507	NTD		
Tổng cộng:			**54.036**			

XIV. UBND xã Uar

TT	Vị trí	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích *(m2)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã (thôn Thanh Bình)	65,208;24	12.200	TSC	Đang sử dụng	
2	Nhà văn hoá xã (thôn Thanh Bình)	151;25	7.508	DBV	Đang sử dụng	
3	Điểm trường Điểm 9 (thôn Thanh Bình)	211;12	1.277	DGD	Không sử dụng	
4	Điểm trường Điểm 10 (thôn Thanh Bình)	20;18	1.187	DGD	Nhà văn hoá thôn Thanh Bình	Diện tích hiện tại 1.152,7 m2
5	Sân bóng xã (thôn Thanh Bình)	143;25	17.954	BCS	Chưa sử dụng	

6	Điểm trường Điểm 11 (thôn Thanh Bình)	119;24	1.957	DCH	Chưa sử dụng	Xã đang xây dựng PA điểm trung chuyển HH
7	Nhà văn hoá buôn Tiang	53;13	536,2	DSH	Đang sử dụng	
8	Nhà văn hoá thôn An Bình	90;12	909,0	DSH	Đang sử dụng	
9	Nhà văn hoá buôn Ngôl	96;20	1.301,6	DSH	Đang sử dụng	
10	Nhà văn hoá buôn Choanh	106;31	1.681,6	DSH	Đang sử dụng	
11	Nghĩa địa buôn Tiang	01;13	2.252,6	NTD	Đang sử dụng	
12	Nghĩa địa thôn An Bình	11,14;17	10.086,0	NTD	Đang sử dụng	
13	Nghĩa địa thôn Thanh Bình	89;25	8.592,0	NTD	Đang sử dụng	
14	Nghĩa địa buôn Ngôl	33,66,67;26	9.191,7	NTD	Đang sử dụng	
15	Nghĩa địa buôn Choanh	31+mpt218;36	6.046,6	NTD	Đang sử dụng	
16	Đất dôi dư do nắn tuyến đường ĐTS (thôn An Bình)		1.200	ONT	Chưa sử dụng	
Tổng cộng			**89.080,3**			

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp phục vụ vào mục đích công thuộc thẩm quyền UBND xã, thị trấn quản lý, sử dụng: 827.459,60m^2.

TỔNG HỢP ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG

Biểu số 03

I. UBND thị trấn Phú Túc

STT	Vị trí *(thôn, buôn, TDP)*	Thửa đất; Tờ bản đồ	Diện tích (ha)	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Tổ dân phố 3	263; 21C	0,2863	Đất chưa sử dụng	Đất chưa sử dụng	
Tổng cộng			**0,2863**			

II. UBND xã Krông Năng

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Trên địa bàn 04 thôn, buôn của xã Krông Năng	Từ tờ bản đồ số 1,2,5,6…54	1.108,87ha	*(đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây..*		Cập nhật tại thời điểm thống kê đất đai năm 2021
Tổng cộng			**1.108,87**			

III. UBND xã Chư Rcăm

STT	Vị trí *(thôn, buôn, TDP)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Thôn Mới;	1 phần thửa 97(28)	**164**	**BSC**	Không tranh chấp	
2	Thôn Mới	99(28)	**333**	**BSC**	Không tranh chấp	
3	Thôn Mới	36(28)	**7.442**	**BSC**	Không tranh chấp	
4	Thôn Mới	9,14,10,12,15 (27)	**9.892**	**BSC**	Người dân lấn chiếm từ trước	
5	Khu Quỳnh Phụ	36(11)	**1.266**	**BSC**	Không tranh chấp	
6	Sông Ba;	96(35)	696	**BSC**	không tranh chấp	
7	Buôn Đoàn Kết	49(16)	610	**BSC**	không tranh chấp	
Cộng			**20.403**			

IV. UBND xã Ia Dreh

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
01	Buôn Chờ Tung	Khu Chứ Mkia	425,27	BCS	Chưa đưa vào sử dụng	

Tổng cộng		**425,27**			

V. UBND xã Chư Ngọc

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
01	Trên địa bàn xã	Ngoài khu đo đặc	75,93	ĐCS	Chưa đưa vào sử dụng	
Tổng cộng			**75,93**			

VI. UBND xã Đất Bằng

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
01	Trên địa bàn xã		1.057,57		Không xác định được vị trí cụ thể Lô, khoản	
Tổng cộng			**1.057,57**			

VII. UBND xã Ia Rsai

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Buôn Chư Tê, Buôn Enan, Buôn	Khu buôn Chư Tê, Khu buôn	521,19	CSD	Đồi núi đá	

	Chư Jú, Buôn Puh Chik, Buôn Pan	Enan, Khu buôn Chư Jú, Khu buôn Pan, Khu Tà Khế				
Tổng cộng:			**521,19**			

VIII. UBND xã Ia Rsươm

TT	Vị trí *(thôn, buôn, TDP)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(m2)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Buôn Phùm	40; 13	813,1	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	
2	Ia Rsươm	40; 32	21.866,8	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	
3	Ia Rsươm	Thửa: 71; 81; 85; 88 TBĐ: 43	5.488,8	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	
4	Ia Rsươm	Thửa: 3 TBĐ: 44	1.108,7	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	
5	Ia Rsươm	Thửa: 16; 25 TBĐ: 46	73.938,7	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	
6	Ia Rsươm	Thửa: 37 TBĐ: 47	2.019,3	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	

7	Ia Rsươm	Thửa: 11; 15; 19 TBĐ: 52	11.099	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	
8	Ia Rsươm	Thửa: 3 TBĐ: 53	3.962,5	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	
9	Ia Rsươm	Thửa: 29 TBĐ: 54	2.236,5	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	
10	Ia Rsươm	Thửa: 22; 29 TBĐ: 57	15.361,1	DCS	Đất chưa sử dụng thuộc quản lý của UBND xã	
Tổng cộng		**40 thửa**	**137.894,5**			

IX. UBND xã Uar

TT	Vị trí *(thôn, buôn, TDP)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Thôn An Bình	06 thửa	103,62	DCS	Đất đồi cây bụi mọc tự nhiên	
2	Thôn Thanh Bình	13 thửa	164,56	DCS		
3	Buôn Choanh	21 thửa	263,54	DCS		
Tổng cộng		**40 thửa**	**531,72**			

X. UBND xã Chư Gu (không thể hiện được số liệu).

XI. UBND xã IA Mlah

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Buôn Dù, Buôn Chính Hoà, Buôn Prong, Buôn Tân Tuk		245,55	DCS	Đất đồi núi chưa sử dụng	
Tổng cộng			**245,55**		**245,55**	

XII. UBND xã Phú Cần (không thể hiện được số liệu).

XIII. UBND xã Ia Rmok

STT	Vị trí *(thôn, buôn)*	Khu; Tờ bản đồ	Diện tích *(ha)*	Loại đất	Tình trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Trên đại bàn 5 thôn buôn của xã Ia Rmok	Từ tờ bản đồ số 1-57	479,68	Hg+ Sông suối		
Tổng cộng			**479,68**			

XIV. UBND xã Chư Drăng (không thể hiện được số liệu).